

Số: 2527 /QĐ-UBND

Việt Hoà, ngày 30 tháng 6 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành mới, sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ tài liệu thuộc Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG VIỆT HOÀ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2014/TT-BKHCN ngày 10 tháng 10 năm 2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết thi hành Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước;

Căn cứ các quyết định công bố danh mục thủ tục hành chính của Chủ tịch UBND thành phố;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Văn hóa - Xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành mới, sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ các tài liệu, quy trình thuộc Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 của Ủy ban nhân dân phường Việt Hoà, cụ thể theo các Danh mục kèm theo Quyết định này, gồm:

- Phụ lục I: Danh mục tài liệu, quy trình ban hành mới (08 quy trình);
- Phụ lục II: Danh mục tài liệu, quy trình sửa đổi (63 quy trình);
- Phụ lục III: Danh mục tài liệu quy trình thay thế (01 quy trình);
- Phụ lục IV: Danh mục tài liệu, quy trình hủy bỏ (17 quy trình);
- Phụ lục V: Danh mục tài liệu ban hành lại do thay đổi chức danh lãnh đạo Văn phòng HĐND&UBND duyệt (69 quy trình);

Các tài liệu, quy trình còn lại trong Danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 1115/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Việt Hoà và Quyết định số 360/QĐ-UBND ngày 31/3/2026 không có sự thay đổi tiếp tục có hiệu lực áp dụng và được hệ thống hoá lại theo:

- Phụ lục VI: Danh mục tài liệu được hệ thống hoá quý II (368 quy trình).

Điều 2. Các phòng chuyên môn trực thuộc Ủy ban nhân dân phường có trách nhiệm nghiên cứu, cập nhật và tổ chức thực hiện theo đúng nội dung tài liệu, quy trình đã được ban hành mới, sửa đổi, bổ sung tại Điều 1; dừng áp dụng và thu hồi (nếu có bản in) đối với các tài liệu, quy trình thuộc Danh mục hủy bỏ, bảo đảm đưa hệ thống tài liệu theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 vào áp dụng thống nhất trong các hoạt động chuyên môn thực tế.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 1/7/2026. Các tài liệu, quy trình ban hành mới, sửa đổi, hủy bỏ nêu tại Điều 1 thay thế hoặc bãi bỏ nội dung tương ứng tại Danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 1115/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Việt Hoà và Quyết định số 360/QĐ-UBND ngày 31/3/2026 không thuộc phạm vi sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ tại Quyết định này vẫn giữ nguyên hiệu lực thi hành.

Điều 4. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân phường, Trưởng phòng Văn hóa - Xã hội, Trưởng phòng Kinh tế; Trưởng phòng Xây dựng, Nông Nghiệp và Môi Trường; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *Phúc*

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Sở Khoa học và Công nghệ;
- TT Đảng uỷ, TT HĐND phường;
- Chủ tịch, các PCT UBND phường;
- Lưu: VT, VHXX.

CHỦ TỊCH



Đào Quang Dương



DANH MỤC TÀI LIỆU QUY TRÌNH BAN HÀNH MỚI
thuộc Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015

STT	Tên tài liệu, quy trình	Mã hiệu	Nội dung / Căn cứ thay đổi
A. PHÒNG KINH TẾ			
LĨNH VỰC TÀI CHÍNH ĐẤT ĐAI			
1	Thủ tục tính hoặc tính lại tiền sử dụng đất theo quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 2 Điều 12 Nghị định số 50/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ	QT.TCĐ.03	Mới ban hành theo Quyết định số 1755/QĐ-UBND ngày 11/5/2026
B. PHÒNG VĂN HÓA – XÃ HỘI			
LĨNH VỰC XUẤT BẢN, IN VÀ PHÁT HÀNH			
1.	Thủ tục xác nhận đăng ký hoạt động in	QT.XB.01	Mới ban hành theo Quyết định số 1815/QĐ-UBND ngày 16/5/2026; - Sửa đổi theo Quyết định số 2032/QĐ-UBND ngày 29/5/2026;
2.	Thủ tục xác nhận thay đổi thông tin đăng ký hoạt động in	QT.XB.02	Mới ban hành theo Quyết định số 1815/QĐ-UBND ngày 16/5/2026; - Sửa đổi theo Quyết định số 2032/QĐ-UBND ngày 29/5/2026;
3.	Thủ tục Khai báo hoạt động phát hành xuất bản phẩm	QT.XB.03	Mới ban hành theo Quyết định số 2032/QĐ-UBND ngày 29/5/2026;

STT	Tên tài liệu, quy trình	Mã hiệu	Nội dung / Căn cứ thay đổi
	LĨNH VỰC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THUỘC HỆ THỐNG QUỐC DÂN		
1.	Chuyển trường và tiếp nhận học sinh	QT.GD&ĐT. 20	Mới ban hành theo Quyết định số 1847/QĐ-UBND ngày 19/5/2026 Mã TTHC: 2.002854
2.	Tiếp nhận học sinh xin học lại	QT.GD&ĐT. 21	Mới ban hành theo Quyết định số 1847/QĐ-UBND ngày 19/5/2026 Mã TTHC: 2.002857
3	Tiếp nhận học sinh người nước ngoài	QT.GD&ĐT. 22	Mới ban hành theo Quyết định số 1847/QĐ-UBND ngày 19/5/2026 Mã TTHC: 2.002856
4	Tiếp nhận học sinh Việt Nam từ nước ngoài về nước	QT.GD&ĐT. 23	Mới ban hành theo Quyết định số 1847/QĐ-UBND ngày 19/5/2026 Mã TTHC: 2.002855

Phụ lục II
DANH MỤC TÀI LIỆU, QUY TRÌNH SỬA ĐỔI
thuộc Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015

STT	Tên tài liệu, quy trình	Mã hiệu	Nội dung / Căn cứ thay đổi
A. PHÒNG KINH TẾ, HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ			
LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI; ĐỊA CHẤT VÀ KHOÁNG SẢN			
1.	Xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản (cấp xã)	QT.ĐCKS.01	- Sửa đổi theo Quyết định số 1605/QĐ-UBND ngày 21/4/2026: giảm thời gian
2.	Hòa giải tranh chấp đất đai	QT.ĐĐ.01	Quy trình giải quyết theo Quyết định số 1724/QĐ-UBND ngày 06/5/2026
3.	Giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; trường hợp giao đất, cho thuê đất thông qua đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; giao đất và giao rừng; cho thuê đất và cho thuê rừng, gia hạn sử dụng đất khi hết thời hạn sử dụng đất	QT.ĐĐ.02	Quy trình giải quyết theo Quyết định số 1724/QĐ-UBND ngày 06/5/2026
4.	Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với tổ chức đang sử dụng đất	QT.ĐĐ.03	
5.	Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp lần đầu có sai sót	QT.ĐĐ.04	Quy trình giải quyết theo Quyết định số

STT	Tên tài liệu, quy trình	Mã hiệu	Nội dung / Căn cứ thay đổi
			1724/QĐ-UBND ngày 06/5/2026
6.	Xác định lại diện tích đất ở của hộ gia đình, cá nhân đã được cấp Giấy chứng nhận trước ngày 01 tháng 7 năm 2004	QT.ĐĐ.05	Quy trình giải quyết theo Quyết định số 1724/QĐ-UBND ngày 06/5/2026
7.	Tặng cho quyền sử dụng đất cho Nhà nước hoặc cộng đồng dân cư hoặc mở rộng đường giao thông đối với trường hợp thửa đất chưa được cấp Giấy chứng nhận	QT.ĐĐ.06	Quy trình giải quyết theo Quyết định số 1724/QĐ-UBND ngày 06/5/2026
8.	Sử dụng đất kết hợp đa mục đích, gia hạn phương án sử dụng đất kết hợp đa mục đích.	QT.ĐĐ.07	Quy trình giải quyết theo Quyết định số 1724/QĐ-UBND ngày 06/5/2026
9.	Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài	QT.ĐĐ.08	Quy trình giải quyết theo Quyết định số 1724/QĐ-UBND ngày 06/5/2026
10.	Giao đất ở có thu tiền sử dụng đất không thông qua đấu giá, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư	QT.ĐĐ.09	Quy trình giải quyết theo Quyết định số 1724/QĐ-UBND ngày 06/5/2026
11.	Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do thay đổi căn cứ quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; điều chỉnh thời	QT.ĐĐ.10	Quy trình giải quyết theo Quyết định số 1724/QĐ-UBND ngày 06/5/2026

STT	Tên tài liệu, quy trình	Mã hiệu	Nội dung / Căn cứ thay đổi
	hạn sử dụng đất của dự án đầu tư.		
12.	Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do sai sót về ranh giới, vị trí, diện tích, mục đích sử dụng giữa bản đồ quy hoạch, bản đồ địa chính, quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất và số liệu bản giao đất trên thực địa	QT.ĐĐ.11	Quy trình giải quyết theo Quyết định số 1724/QĐ-UBND ngày 06/5/2026
13.	Chuyển hình thức giao đất, cho thuê đất.	QT.ĐĐ.12	Quy trình giải quyết theo Quyết định số 1724/QĐ-UBND ngày 06/5/2026
14.	Giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã	QT.ĐĐ.13	Quy trình giải quyết theo Quyết định số 1724/QĐ-UBND ngày 06/5/2026
15.	Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp lần đầu không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện và cấp lại Giấy chứng nhận sau khi thu hồi	QT.ĐĐ.14	Quy trình giải quyết theo Quyết định số 1724/QĐ-UBND ngày 06/5/2026
16.	Tổ chức kinh tế nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư.	QT.ĐĐ.15	Quy trình giải quyết theo Quyết định số 1724/QĐ-UBND ngày 06/5/2026
17.	Giao đất, cho thuê đất, giao khu vực biển để thực hiện hoạt động lấn biển.	QT.ĐĐ.16	Quy trình giải quyết theo Quyết định số

STT	Tên tài liệu, quy trình	Mã hiệu	Nội dung / Căn cứ thay đổi
			1724/QĐ-UBND ngày 06/5/2026
LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP			
1.	Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương (cấp xã)	QT.NN.01	Giảm 50% thời gian theo Quyết định số 1724/QĐ-UBND ngày 06/5/2026
LĨNH VỰC QUẢN LÝ ĐÊ ĐIỀU VÀ PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI; SỰ CỐ TRÀN DẦU; THÚ Y; AN TOÀN ĐẬP VÀ HỒ CHỨA;			
1.	Hỗ trợ khám chữa bệnh, trợ cấp tai nạn cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã trong trường hợp chưa tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội	QT.QLDDvPCTT.01	Giảm 50% thời gian theo Quyết định số 1724/QĐ-UBND ngày 06/5/2026; - Quyết định số 1897/QĐ-UBND ngày 06/5/2026.
2.	Trợ cấp tiền tuất, tai nạn (đối với trường hợp tai nạn suy giảm khả năng lao động từ 5% trở lên) cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã chưa tham gia bảo hiểm xã hội	QT.QLDDvPCTT.02	Giảm 50% thời gian theo Quyết định số 1724/QĐ-UBND ngày 06/5/2026
LĨNH VỰC QUẢN LÝ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH THỦY LỢI			
1.	Hỗ trợ đầu tư xây dựng phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước (Đối với nguồn vốn hỗ trợ trực tiếp, ngân sách địa phương và nguồn vốn hợp pháp khác của địa phương phân bổ dự toán cho UBND cấp xã thực hiện)	QT.TL.02	- Giảm 50% thời gian theo Quyết định số 1724/QĐ-UBND ngày 06/5/2026
2.	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá	QT.TL.03	Giảm 50% thời gian theo Quyết định số

STT	Tên tài liệu, quy trình	Mã hiệu	Nội dung / Căn cứ thay đổi
	trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã		1724/QĐ-UBND ngày 06/5/2026
3.	Phê duyệt đề cương, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp xã	QT.TL.04	- Giảm 50% thời gian theo Quyết định số 1724/QĐ-UBND ngày 06/5/2026
4.	Phê duyệt, công bố công khai quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi lớn và công trình thủy lợi vừa do UBND cấp tỉnh phân cấp.	QT.TL.05	Giảm 50% thời gian theo Quyết định số 1724/QĐ-UBND ngày 06/5/2026
5.	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã	QT.TL.06	- Giảm 50% thời gian theo Quyết định số 1724/QĐ-UBND ngày 06/5/2026
6.	Phê duyệt, công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp xã.	QT.TL.07	- Giảm 50% thời gian theo Quyết định số 1724/QĐ-UBND ngày 06/5/2026
7.	Phê duyệt phương án bảo vệ công trình thủy lợi do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	QT.TL.08	- Giảm 50% thời gian theo Quyết định số 1724/QĐ-UBND ngày 06/5/2026
8.	Thẩm định quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi lớn và công trình thủy lợi vừa do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã phê duyệt	QT.TL.09	Mã TTHC 2.001627 - Giảm 50% thời gian theo Quyết định số 1724/QĐ-UBND ngày 06/5/2026
9.	Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ	QT.TL.10	Mã TTHC 1.014849

STT	Tên tài liệu, quy trình	Mã hiệu	Nội dung / Căn cứ thay đổi
	công trình thủy lợi: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, phương tiện; Xây dựng công trình ngầm do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã		- Giảm 50% thời gian theo Quyết định số 1724/QĐ-UBND ngày 06/5/2026; - Quyết định số 1724/QĐ-UBND ngày 06/5/2026 ngày 20/5/2026. - - Quyết định số 1857/QĐ-UBND ngày 20/5/2026
10.	Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi đối với hoạt động du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	QT.TL.11	Mã TTHC 1.014850 - Giảm 50% thời gian theo Quyết định số 1724/QĐ-UBND ngày 06/5/2026; - Quyết định số 1857/QĐ-UBND ngày 20/5/2026;
11.	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, phương tiện; Xây dựng công trình ngầm do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	QT.TL.12	Mã TTHC 1.014851 - Giảm 50% thời gian theo Quyết định số 1724/QĐ-UBND ngày 06/5/2026; - Quyết định số 1857/QĐ-UBND ngày 20/5/2026
12.	Cấp giấy phép nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	QT.TL.13	Mã TTHC 1.014852 - Giảm 50% thời gian theo Quyết định số 1724/QĐ-UBND ngày 06/5/2026;

STT	Tên tài liệu, quy trình	Mã hiệu	Nội dung / Căn cứ thay đổi
			- Quyết định số 1857/QĐ-UBND ngày 20/5/2026.
13.	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Nuôi trồng thủy sản; Nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	QT.TL.14	Mã TTHC 1.014853 - Giảm 50% thời gian theo Quyết định số 1724/QĐ-UBND ngày 06/5/2026; - Quyết định số 1857/QĐ-UBND ngày 20/5/2026.
14.	Cấp giấy phép hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	QT.TL.15	Mã TTHC 1.014859 - Giảm 50% thời gian theo Quyết định số 1724/QĐ-UBND ngày 06/5/2026; - Quyết định số 1857/QĐ-UBND ngày 20/5/2026.
15.	Cấp giấy phép cho các hoạt động trồng cây lâu năm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	QT.TL.16	Mã TTHC 1.014860 Giảm 50% thời gian theo Quyết định số 1724/QĐ-UBND ngày 06/5/2026; - Quyết định số 1857/QĐ-UBND ngày 20/5/2026.
16.	Cấp giấy phép nuôi trồng thủy sản trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	QT.TL.17	Mã TTHC 1.014862 - Giảm 50% thời gian theo Quyết định số 1724/QĐ-UBND ngày 06/5/2026;

STT	Tên tài liệu, quy trình	Mã hiệu	Nội dung / Căn cứ thay đổi
			- Quyết định số 1857/QĐ-UBND ngày 20/5/2026
17.	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Trồng cây lâu năm; Hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã		Mã TTHC 1.014864
18.	Cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trong trường hợp tên chủ giấy phép đã được cấp bị thay đổi do chuyển nhượng, sáp nhập, chia tách, cơ cấu lại tổ chức do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	QT.TL.18	- Mã TTHC: 1.014854; - Giảm 50% thời gian theo Quyết định số 1724/QĐ-UBND ngày 06/5/2026
19.	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi đối với hoạt động: du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	QT.TL.18	Mới ban hành theo Quyết định số 684/QĐ-UBND ngày 24/02/2026 Mã TTHC 1.014863 - Giảm 50% thời gian theo Quyết định số 1724/QĐ-UBND ngày 06/5/2026; - Quyết định số 1857/QĐ-UBND ngày 20/5/2026

STT	Tên tài liệu, quy trình	Mã hiệu	Nội dung / Căn cứ thay đổi
20.	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Trồng cây lâu năm; Hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	QT.TL.19	Mới ban hành theo Quyết định số 684/QĐ-UBND ngày 24/02/2026 Mã TTHC 1.014864 - Giảm 50% thời gian theo Quyết định số 1724/QĐ-UBND ngày 06/5/2026; - Quyết định số 1857/QĐ-UBND ngày 20/5/2026.
LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG			
1.	Tham vấn trong đánh giá tác động môi trường (cấp xã)	QT.MT.02	Giảm 50% thời gian theo Quyết định số 1724/QĐ-UBND ngày 06/5/2026
LĨNH VỰC GIẢM NGHÈO			
1.	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo; hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo định kỳ hằng năm	QT.GN.01	Quy trình giải quyết theo Quyết định số 1724/QĐ-UBND ngày 06/5/2026
2.	Công nhận hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo thường xuyên hằng năm	QT.GN.02	Quy trình giải quyết theo Quyết định số 1724/QĐ-UBND ngày 06/5/2026
3.	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo thường xuyên hằng năm	QT.GN.03	Quy trình giải quyết theo Quyết định số 1724/QĐ-UBND ngày 06/5/2026

STT	Tên tài liệu, quy trình	Mã hiệu	Nội dung / Căn cứ thay đổi
4.	Công nhận hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình	QT.GN.04	Quy trình giải quyết theo Quyết định số 1724/QĐ-UBND ngày 06/5/2026
5.	Công nhận người lao động có thu nhập thấp	QT.GN.05	Quy trình giải quyết theo Quyết định số 1724/QĐ-UBND ngày 06/5/2026
LĨNH VỰC KINH TẾ HỢP TÁC VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN			
1.	Hỗ trợ dự án liên kết (cấp xã)	QT.KTHTPTNN.01	Quy trình giải quyết theo Quyết định số 1724/QĐ-UBND ngày 06/5/2026
CHĂN NUÔI			
1.	Hỗ trợ chi phí về vật tư phối giống nhân tạo gia súc gồm tinh đông lạnh, Nitor lỏng, găng tay và dụng cụ dẫn tinh để phối giống cho trâu, bò cái; chi phí về liệu tinh để thực hiện phối giống cho lợn nái, công cho người làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò)	QT.CN.01	Quy trình giải quyết theo Quyết định số 1724/QĐ-UBND ngày 06/5/2026
2.	Phê duyệt hỗ trợ kinh phí đào tạo, tập huấn để chuyển đổi từ chăn nuôi sang các nghề khác; chi phí cho cá nhân được đào tạo về kỹ thuật phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò); chi phí mua bình chứa Nitor lỏng bảo quản tinh cho người làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò) đối với các chính sách sử dụng	QT.CN.02	Quy trình giải quyết theo Quyết định số 1724/QĐ-UBND ngày 06/5/2026

STT	Tên tài liệu, quy trình	Mã hiệu	Nội dung / Căn cứ thay đổi
	vốn sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước		
	LĨNH VỰC THÚ Y		
1.	Hỗ trợ cơ sở sản xuất bị thiệt hại do dịch bệnh động vật (cơ sở sản xuất không thuộc lực lượng vũ trang nhân dân)	QT.THU Y.01	Quy trình giải quyết theo Quyết định số 1724/QĐ-UBND ngày 06/5/2026
	TÀI NGUYÊN NƯỚC		
1.	Đăng ký khai thác, sử dụng nước dưới đất	QT.TNN.01	- Quy trình theo Quyết định số 1724/QĐ-UBND ngày 06/5/2026
	THỦY SẢN		
1.	Sửa đổi, bổ sung nội dung quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý)	QT.TS.01	- Quy trình theo Quyết định số 1724/QĐ-UBND ngày 06/5/2026
2.	Công bố mở cảng cá loại III	QT.TS.02	- Quy trình theo Quyết định số 1724/QĐ-UBND ngày 06/5/2026
3.	Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý)	QT.TS.03	- Quy trình theo Quyết định số 1724/QĐ-UBND ngày 06/5/2026
4.	Cấp, cấp lại Giấy xác nhận nuôi trồng thủy sản lồng bè, đối tượng thủy sản nuôi chủ lực (hoạt động trên nội địa thuộc phạm vi quản lý và cơ sở nuôi trồng thủy sản lồng bè thuộc	Mã TTHC: 1.014801 QT.TS.04	- Quy trình theo Quyết định số 1724/QĐ-UBND ngày 06/5/2026

STT	Tên tài liệu, quy trình	Mã hiệu	Nội dung / Căn cứ thay đổi
	thẩm quyền giao khu vực biển của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã)		
LĨNH VỰC ĐỊA CHẤT VÀ KHOÁNG SẢN			
1.	Xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản (cấp xã)	QT.ĐCKS.01	- Sửa đổi theo Quyết định số 1605/QĐ-UBND ngày 21/4/2026: giảm thời gian - Quy trình theo Quyết định số 1724/QĐ-UBND ngày 06/5/2026
2.	Quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (cấp xã)	QT.ĐCKS.01	- Quy trình theo Quyết định số 1724/QĐ-UBND ngày 06/5/2026
LĨNH VỰC HÀNG HẢI VÀ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA			
1.	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến thủy nội địa	QT.ĐTNĐ.17	Sửa đổi theo Quyết định số 1846/QĐ-UBND ngày 19/5/2026
2.	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính	QT.ĐTNĐ.20	Sửa đổi theo Quyết định số 1846/QĐ-UBND ngày 19/5/2026
3.	Công bố hoạt động bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính	QT.ĐTNĐ.22	Sửa đổi theo Quyết định số 1846/QĐ-UBND ngày 19/5/2026
B. PHÒNG VĂN HÓA – XÃ HỘI			
GIÁO DỤC TRUNG HỌC			

STT	Tên tài liệu, quy trình	Mã hiệu	Nội dung / Căn cứ thay đổi
1.	Cho phép trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở hoạt động giáo dục	QT.GDTrH.01	- Sửa đổi giảm thời gian theo Quyết định số 1747/QĐ-UBND ngày 09/5/2026
GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN			
1.	Thành lập hoặc cho phép thành lập trung tâm học tập cộng đồng	QT.GDTrH.01	- Sửa đổi giảm thời gian theo Quyết định số 1747/QĐ-UBND ngày 09/5/2026
LĨNH VỰC GIÁO DỤC MẦM NON			
1.	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục	QT.GDMN.04	- Sửa đổi giảm thời gian theo Quyết định số 1747/QĐ-UBND ngày 09/5/2026
GIÁO DỤC TIỂU HỌC			
1.	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục	QT.GDTH.04	- Quy trình theo Quyết định số 1747/QĐ-UBND ngày 09/5/2026
GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THUỘC HỆ THỐNG GIÁO DỤC QUỐC DÂN			
1.	Hỗ trợ ăn trưa đối với trẻ em mẫu giáo	QT.GD&ĐT.11	- Quy trình theo Quyết định số 1747/QĐ-UBND ngày 09/5/2026

Phụ lục III
DANH MỤC TÀI LIỆU, QUY TRÌNH THAY THẾ
thuộc Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015

STT	Tên tài liệu, quy trình bị thay thế	Quy trình thay thế	Mã hiệu	Nội dung / Căn cứ thay đổi
	B. PHÒNG VĂN HÓA – XÃ HỘI			
	LĨNH VỰC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THUỘC HỆ THỐNG GIÁO DỤC QUỐC DÂN			
	Xét, cấp học bổng chính sách	Xét, cấp học bổng chính sách đối với học viên cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thực dành cho thương binh, người khuyết tật	QT.GD&ĐT.07 Mã TTHC: 1.002407	1823/QĐ-BGDĐT ngày 26/6/2026

Phụ lục IV
DANH MỤC TÀI LIỆU, QUY TRÌNH HỦY BỎ
thuộc Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015

STT	Tên tài liệu, quy trình	Mã hiệu	Nội dung / Căn cứ thay đổi
A. PHÒNG KINH TẾ, HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ			
THỦY LỢI			
1	Cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trong trường hợp tên chủ giấy phép đã được cấp bị thay đổi do chuyển nhượng, sáp nhập, chia tách, cơ cấu lại tổ chức do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã - 1.014854	QT.TL.20	Hủy bỏ theo Quyết định số 1897/QĐ-UBND ngày 25/5/2026
KINH DOANH KHÍ			
1.	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	QT.KDK.01	- Hủy bỏ theo Quyết định số 2127/QĐ-UBND ngày 06/6/2026
2.	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	QT.KDK.02	- Hủy bỏ theo Quyết định số 2127/QĐ-UBND ngày 06/6/2026
3.	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	QT.KDK.03	- Hủy bỏ theo Quyết định số 2127/QĐ-UBND ngày 06/6/2026
LƯU THÔNG HÀNG HÓA TRONG NƯỚC			
1.	Cấp lại Cấp Giấy phép bán lẻ rượu	QT.LTHHTN.01	- Hủy bỏ theo Quyết định số 2127/QĐ-UBND ngày 06/6/2026

STT	Tên tài liệu, quy trình	Mã hiệu	Nội dung / Căn cứ thay đổi
2.	Cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	QT.LTHHTN.02	- Huỷ bỏ theo Quyết định số 2127/QĐ-UBND ngày 06/6/2026
3.	Cấp Giấy phép bán lẻ rượu	QT.LTHHTN.03	- Huỷ bỏ theo Quyết định số 2127/QĐ-UBND ngày 06/6/2026
4.	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	QT.LTHHTN.04	- Huỷ bỏ theo Quyết định số 2127/QĐ-UBND ngày 06/6/2026
5.	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	QT.LTHHTN.05	- Huỷ bỏ theo Quyết định số 2127/QĐ-UBND ngày 06/6/2026
6.	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ rượu	QT.LTHHTN.06	- Huỷ bỏ theo Quyết định số 2127/QĐ-UBND ngày 06/6/2026
7.	Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	QT.LTHHTN.07	- Huỷ bỏ theo Quyết định số 1787/QĐ-UBND ngày 18/5/2026
8.	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	QT.LTHHTN.08	- Huỷ bỏ theo Quyết định số 1787/QĐ-UBND ngày 18/5/2026
9.	Cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	QT.LTHHTN.09	- Huỷ bỏ theo Quyết định số 1787/QĐ-UBND ngày 18/5/2026
B. PHÒNG VĂN HÓA – XÃ HỘI			

STT	Tên tài liệu, quy trình	Mã hiệu	Nội dung / Căn cứ thay đổi
LĨNH VỰC GIÁO DỤC TIỂU HỌC			
1	Chuyển trường đối với học sinh tiểu học	QT.GDTH.05	Hủy bỏ theo Quyết định số 1847/QĐ-UBND ngày 19/5/2026
LĨNH VỰC GIÁO DỤC TRUNG HỌC			
1	Chuyển trường đối với học sinh trung học cơ sở.	QT.GDTrH.11	Hủy bỏ theo Quyết định số 1847/QĐ-UBND ngày 19/5/2026
2	Tiếp nhận học sinh trung học cơ sở Việt Nam về nước	QT.GDTrH.10	- Hủy bỏ theo Quyết định số 1847/QĐ-UBND ngày 19/5/2026
3	Tiếp nhận học sinh trung học cơ sở người nước ngoài	QT.GDTrH.08	- Hủy bỏ theo Quyết định số 1847/QĐ-UBND ngày 19/5/2026

Phụ lục V
DANH MỤC TÀI LIỆU BAN HÀNH LẠI DO THAY ĐỔI CHỨC DANH
thuộc Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015

VĂN PHÒNG HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN & ỦY BAN NHÂN DÂN		
I	PHỔ BIẾN GIÁO DỤC PHÁP LUẬT; HÒA GIẢI CƠ SỞ	
1.	Thủ tục thanh toán thù lao cho hòa giải viên	QT.PBPL.01
2.	Thủ tục công nhận hòa giải viên (cấp xã)	QT.PBPL.02
3.	Thủ tục công nhận tổ trưởng tổ hòa giải (cấp xã)	QT.PBPL.03
4.	Thủ tục thôi làm hòa giải viên (cấp xã)	QT.PBPL.04
5.	Thủ tục thực hiện hỗ trợ khi hòa giải viên gặp tai nạn hoặc rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng trong khi thực hiện hoạt động hòa giải	QT.PBPL.05
II	BỒI THƯỜNG NHÀ NƯỚC	
1.	Giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại (cấp xã)	QT.BTNN.01
III	LĨNH VỰC CHỨNG THỰC	
1.	Thủ tục sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch	QT.CT.01
2.	Thủ tục cấp bản sao từ sổ gốc	QT.CT.02
3.	Thủ tục cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực	QT.CT.03
4.	Thủ tục chứng thực văn bản từ chối nhận di sản	QT.CT.04
5.	Thủ tục chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	QT.CT.05
6.	Thủ tục chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	QT.CT.06
7.	Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch	QT.CT.07

8.	Thủ tục chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	QT.CT.08
9.	Thủ tục chứng thực di chúc	QT.CT.09
10.	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)	QT.CT.10
11.	Chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch là cộng tác viên dịch thuật của Ủy ban nhân dân cấp xã	QT.CT.11
12.	Thủ tục chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch không phải là cộng tác viên dịch thuật	QT.CT.12
13.	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận	QT.CT.13
IV	LĨNH VỰC HỘ TỊCH	
1.	Thủ tục đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con	QT.HT.01
2.	Thủ tục đăng ký khai tử lưu động	QT.HT.02
3.	Thủ tục đăng ký kết hôn lưu động	QT.HT.03
4.	Thủ tục đăng ký khai sinh lưu động	QT.HT.04
5.	Thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch	QT.HT.05
6.	Thủ tục đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	QT.HT.06
7.	Thủ tục đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài	QT.HT.07
8.	Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	QT.HT.08
9.	Thủ tục đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài	QT.HT.09
10.	Thủ tục đăng ký chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài	QT.HT.10

11.	Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc	QT.HT.11
12.	Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	QT.HT.12
13.	Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc hộ tịch khác của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (khai sinh; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ, con; nuôi con nuôi; khai tử; thay đổi hộ tịch)	QT.HT.13
14.	Đăng ký chấm dứt giám sát việc giám hộ	QT.HT.14
15.	Thủ tục đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài	QT.HT.15
16.	Đăng ký giám sát việc giám hộ	QT.HT.16
17.	Thủ tục đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	QT.HT.17
18.	Thủ tục đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài	QT.HT.18
19.	Thủ tục đăng ký lại khai tử có yếu tố nước ngoài	QT.HT.19
20.	Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con	QT.HT.20
21.	Thủ tục đăng ký khai tử	QT.HT.21
22.	Đăng ký lại khai tử	QT.HT.22
23.	Thủ tục xác nhận thông tin hộ tịch	QT.HT.23
24.	Thủ tục đăng ký lại kết hôn	QT.HT.24
25.	Thủ tục đăng ký lại khai sinh	QT.HT.25
26.	Thủ tục đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài	QT.HT.26
27.	Thủ tục đăng ký kết hôn	QT.HT.27
28.	Thủ tục đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	QT.HT.28
29.	Thủ tục đăng ký khai sinh	QT.HT.29
30.	Thủ tục đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài	QT.HT.30
31.	Thủ tục đăng ký giám hộ	QT.HT.31

32.	Thủ tục đăng ký chấm dứt giám hộ	QT.HT.32
33.	Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	QT.HT.33
34.	Thủ tục cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	QT.HT.34
35.	Cấp bản sao Trích lục hộ tịch, bản sao Giấy khai sinh	QT.HT.35
36.	Liên thông đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, giải quyết mai tang phí, tử tuất	QT.HT.36
37.	Liên thông thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi	QT.HT.37
V	LĨNH VỰC NUÔI CON NUÔI	
1.	Ghi vào Sổ đăng ký nuôi con nuôi việc nuôi con nuôi đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	QT.NCN.01
2.	Cấp giấy xác nhận công dân Việt Nam thường trú ở khu vực biên giới đủ điều kiện nhận trẻ em của nước láng giềng cư trú ở khu vực biên giới làm con nuôi	QT.NCN.02
3.	Đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước	QT.NCN.03
4.	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi trong nước	QT.NCN.04
5.	Giải quyết việc người nước ngoài cư trú ở khu vực biên giới nước láng giềng nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi	QT.NCN.05
VI	GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỔ CÁO, PHÒNG CHỐNG THAM NHŨNG, XỬ LÝ ĐƠN THƯ; THANH TRA	
1.	Thủ tục giải quyết khiếu nại lần đầu tại cấp xã	QT.KNTC.01
2.	Thủ tục giải quyết tố cáo tại cấp xã	QT.KNTC.02
3.	Thủ tục kê khai tài sản, thu nhập	QT.PCTN.01
4.	Thủ tục thực hiện việc giải trình	QT.PCTN.02
5.	Thủ tục tiếp nhận yêu cầu giải trình	QT.PCTN.03
6.	Thủ tục xác minh tài sản, thu nhập	QT.PCTN.04

7.	Thủ tục tiếp công dân tại cấp xã	QT.TCD.01
8.	Thủ tục xử lý đơn tại cấp xã	QT.XLĐT.01